

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự thảo Quy hoạch chung xây dựng
xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 37/2010/NĐ-CP về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết một số nội dung và quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TB-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021 BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Đắk Hà về việc Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030;

Căn cứ công văn số 1012/SXD-QHKT ngày 15 tháng 06 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum về việc ý kiến Đồ án quy hoạch chung xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Đắk Ngok về việc thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Đăk Ngok tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc xin thẩm định và phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok đến năm 2030; Thông báo số 01/TB-HĐTĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng thẩm định về Kết quả thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 với các nội dung chính như sau (*có hồ sơ Đồ án Quy hoạch do Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật PQH lập kèm theo*):

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

1.1 Vị trí: Xã Đăk Ngok nằm ở vùng trung tâm huyện Đăk Hà; Tọa độ địa lý: Từ 14°38'31'' đến 14°49'11'' Vĩ độ Bắc, Từ 107°53'5'' đến 108°09'50'' Kinh độ Đông;

1.2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp xã Đăk Mar và xã Đăk Hring.
- Phía Nam giáp xã Hà Mòn.
- Phía Đông giáp xã Ngok Wang và xã Đăk Ui;
- Phía Tây giáp thị trấn Đăk Hà; Hành lang tuyến điện 500KV;

1.3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô dân số đến năm 2030: 5.412 người
- Quy mô diện tích: 3.672,06 ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1 Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng xã Đăk Ngok có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, thúc đẩy quá trình đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cao đời sống của người dân; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Đăk Hà đạt chuẩn nông thôn mới; Phần đầu đến năm 2025 là xã nông thôn mới nâng cao, năm 2030 là xã nông thôn mới kiểu mẫu;

- Làm cơ sở để lập các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư trên địa bàn xã Đăk Ngok; phục vụ công tác quản lý đất đai và kiểm soát phát triển, đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

- Khai thác và phát huy có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của xã Đăk Ngok, tổ chức hiệu quả quỹ đất, nâng cao giá trị sản xuất.

2.2. Tính chất, chức năng của xã: Là xã có diện tích và điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp; tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ thương mại và là vùng phụ cận của Thị trấn Đăk Hà.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

3.1 Dân số, lao động:

- Quy mô dân số:
- + Giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2025): 4.993 người;
- + Giai đoạn dài hạn (đến năm 2030): 5.412 người;
- Lao động:
- + Lao động năm 2025: 2.805 người
- + Lao động năm 2030: 3.112 người

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Quy hoạch	
			Đợt đầu 2025	Dài hạn 2030
I	Dân số			
1	Số người		4.993	5.412
2	Số hộ		1.112	1.206
3	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,6	2,1
3.1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,2	1,1
3.2	Tỷ lệ tăng dân số cơ học	%	0,4	1,0
II	Đất xây dựng			
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	m ² /người	≥25 (40-50)	≥25 (40-50)
2	Đất xây dựng công trình công cộng	m ² /người	≥5 (10-12)	≥5 (10-12)
3	Đất cây xanh công cộng	m ² /người	≥2 (6-9)	≥2 (6-9)
4	Đất xây dựng các chức năng khác	m ² /người	1,0-2,0	Đến 5,0 (theo QĐ 318/QĐ-TTg)
5	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	≥5 (10-12)	≥5 (10-12)
6	Các loại lô đất ở			
6.1	Đất ở thuần nông có vườn canh tác	m ² /hộ	Đến 1000	Đến 1000
6.2	Đất ở thuần nông không có vườn	m ² /hộ	400	400
6.3	Đất ở kết hợp dịch vụ	m ² /hộ	250	250
7	Chỉ tiêu SD đất giáo dục			
7.1	Trường Mầm non	Cháu/1000 dân	50	50
		m ² /cháu	12	12
7.2	Trường Tiểu học và THCS	HS/1000 dân	115	115
		m ² /HS	>10	>10
8	Mật độ xây dựng			
8.1	Mật độ xây dựng gộp	%	20 – 30	20 - 30
8.2	Mật độ xây dựng thuần tối đa	%		
8.2.1	Nhà ở thuần nông có vườn	%	40	40
8.2.2	Nhà ở thuần nông không vườn	%	60	60

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Quy hoạch	
			Đợt đầu 2025	Dài hạn 2030
8.2.3	Nhà ở kết hợp dịch vụ	%	70	70
8.2.4	Công trình công cộng	%	≤ 40	≤ 40
9	Tầng cao tối đa – tối thiểu	Tầng		
9.1	Nhà ở thuần nông	Tầng	1-2	1-2
9.2	Nhà ở kết hợp dịch vụ	Tầng	1-3	1-3
9.3	Công trình công cộng	Tầng	1-3	1-3
III	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông			
1.1	Tỷ lệ đất giao thông (đến đường trục chính thôn)	%	Đến 10,0	≥ 10,0
1.2	Lộ giới			
	Đường tỉnh (ĐH42)	m	Theo QH phát triển giao thông nông thôn tỉnh	
	Đường chính xã (liên thôn)	m	14,0	14,0
	Đường chính thôn	m	11,5	11,5
	Đường nhánh thôn	m	8,5	8,5
	Đường chính nội đồng	m	11,5	11,5
2	Cấp nước sinh hoạt	Lít/người-ngày	80	≥ 80
	Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
3	Thoát nước thải	Lít/người/ngày	60	≥ 60
4	Rác thải sinh hoạt	Kg/người/ngày	0,6	0,8
5	Cấp điện sinh hoạt	Kw/người/năm	200	≥ 200
		w/người	100	≥ 100
6	Cấp điện công cộng	% điện sinh hoạt	15	≥ 15
6.1	Cơ quan xã, công cộng khác	w/m ² sàn	20-30	20-30
6.2	Trường Mầm non	Kw/cháu	0,15-0,20	0,15-0,20
6.3	Trường Tiểu học, THCS	Kw/học sinh	0,10-0,15	0,10-0,15
7	Chiếu sáng công cộng			
7.1	Độ chói trên mặt đường	Cd/m ²	0,2-0,4	0,2-0,4
7.2	Độ rọi trên mặt đường	Lx	5,0-8,0	5,0-8,0
7.3	Độ rọi sân tổ chức hoạt động ngoài trời	Lx	8,0	8,0
8	Thông tin - truyền thông	Bưu chính viễn thông	Có	Có
		Internet, đài truyền thanh	Có	Có

4. Phân khu chức năng

4.1. Tổ chức và phân bố hệ thống trung tâm:

4.1.1. Trung tâm xã:

- Trung tâm xã được hình thành tại thôn Đăk Bình với cơ bản các công trình theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nhưng khả năng kết nối, khả năng phục vụ với chức năng là công trình công cộng cấp xã còn hạn chế. Định hướng tổ chức lại trên cơ sở hiện có, đảm bảo đáp ứng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Mô hình tổ chức trung tâm xã là tập trung, gồm:

+ Khối cơ quan xã sẽ được bố trí thêm trụ sở - nhà làm việc Công an xã và nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã; có thể cả nhà làm việc Hợp tác xã toàn xã khi có nhu cầu;

+ Khối hội trường văn hóa đa năng;

+ Khu cây xanh, Thể dục thể thao vui chơi giải trí của xã (*Bao gồm cả khu vực điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi*)

+ Các trường học cấp xã;

+ Khu chợ - dịch vụ thương mại.

4.1.2. Hệ thống trung tâm thôn, điểm dân cư:

- Các khu trung tâm thôn được tổ chức hợp khối, đa chức năng, đảm bảo có không gian tạo điểm nhấn rõ nét, khắc phục tình trạng phân tán, nhỏ lẻ hiện nay;

- Trung tâm thôn được đảm bảo các chức năng của khu dân cư kiểu mẫu, đủ diện tích đất xây dựng với các thiết kế đạt chất lượng cao gồm:

+ Nhà văn hóa (sinh hoạt cộng đồng) gắn với sân thể thao đảm bảo quy mô sân bóng đá đơn giản kết hợp với sân lễ hội; cây xanh - vườn dạo);

+ Khối Điểm trường Tiểu học và Mầm non (chỉ tổ chức tại thôn Đăk Kđem).

4.2. Phân bố dân cư và không gian ở: Dân cư được phân bố trên cơ sở các thôn (7 thôn) đã có hiện nay. Dự kiến đề xuất hình thành điểm dân cư mới với tính chất là khu ở kết hợp dịch vụ tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nghề truyền thống và dịch vụ sản xuất. Quy mô sử dụng đất khu này đề xuất diện tích là 20ha

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, cấp thôn:

5.1.1 Đối với hệ thống công trình cấp xã: Tổ chức đầy đủ các công trình cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

a. Vị trí: Tại thôn Đăk Bình và thôn Đoàn Kết.

b. Quy mô và định hướng kiến trúc:

- Đối với các công trình hiện có: đã cơ bản đạt chuẩn Bộ tiêu chí nông thôn mới như Trụ sở cơ quan xã; Nhà văn hóa; Trạm y tế; Trường TH-THCS, Trường Mầm non, chỉ cần đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, chỉnh trang - tu sửa kiến trúc đảm bảo khang trang, đẹp hơn ... đáp ứng yêu cầu chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

- Đối với các công trình quy hoạch mới được tổ chức đảm bảo quy mô chức năng, bán kính phục vụ, đầy đủ các thiết chế đảm bảo đạt chuẩn bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, gồm: sân vui chơi, giải trí - thể dục – thể thao, Buu điện văn hóa xã; chợ xã và các dịch vụ thương mại phục vụ đời sống và sản xuất ... Với định hướng kiến trúc đơn giản, phù hợp với tập quán sử dụng, văn hóa của cư dân và bền vững, kiến trúc ít tầng.

5.1.2. Đối với hệ thống công trình cấp thôn: Tổ chức đầy đủ các thiết chế công trình công cộng, dịch vụ theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, như: Nhà văn hóa - sinh hoạt cộng đồng,, Sân thể thao - lễ hội, Cây xanh vườn dạo; điểm Trường học (cho thôn Đăk Kđem).

a. Vị trí: Trên đường huyện 42 và đường liên thôn, đường chính thôn.

b. Quy mô và định hướng kiến trúc: Với quỹ đất xây dựng của các thôn rất dồi dào, quy mô sử dụng đất của các công trình công cộng đảm bảo phát triển trong tương lai, đáp ứng nhu cầu tập quán thực tế của cư dân và định hướng không gian hợp khối đa chức năng để hình thành trung tâm thôn rõ nét, tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan cho từng thôn - điểm dân cư, với kiến trúc chủ đạo là nhà ở nông thôn với hình thức kiến trúc ít tầng;

5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn bản cũ.

5.2.1. Thôn Đăk Bình - khu trung tâm xã:

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 970 người, 226 hộ;

- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 10,98 ha và đất vườn khoảng 9ha-11 ha;

- Tính chất: Là điểm dân cư có tính đô thị hóa cao; phát triển dịch vụ thương mại; tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ nghề truyền thống và dịch vụ phục vụ sản xuất;

- Định hướng quy hoạch không gian kiến trúc: Là điểm dân cư thị tứ làng xã, trung tâm hành chính - dịch vụ.

+ Đối với công trình công cộng: Bố trí hợp khối, tạo điểm nhấn không gian trung tâm xã;

+ Đối với công trình nhà ở: Gồm nhà ở liền kề được bố cục theo hướng tạo lập mảng khối kiến trúc theo tuyến; nhà ở vườn là khu ở mật độ thấp, kết hợp tạo không gian xanh.

5.2.2. Thôn Đoàn Kết:

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 617 người, 163 hộ;

- Sử dụng đất ở đến năm 2030 khoảng 13,76 ha, đất vườn khoảng 18,0 – 19,0ha

- Tính chất: Là điểm dân cư có khả năng đô thị hóa ở khu vực trung tâm thôn.

5.2. 3. Thôn Đăk Tin:

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 1.411 người, 299 hộ;

- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 8,65 ha, đất vườn khoảng 11- 12 ha;

5.2.4. *Thôn Đăk Lợi:*

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 569 người, 148 hộ.
- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 5,98 ha, đất vườn khoảng 8,0- 9,0 ha;
- Tính chất: Là điểm dân cư nông thôn nơi cư ngụ của đồng bào kinh.

5.2.5. *Thôn Thanh Xuân:*

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 549 người, 121 hộ;
- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 4,43 ha, đất vườn khoảng 6,2 ha;
- Tính chất: Là điểm dân cư nông thôn với đa bản sắc tập quán, được bảo tồn và phát triển không gian truyền thống vốn có.

5.2.6. *Thôn Đăk Xuân:*

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 435 người, 95 hộ;
- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 4,8 ha, đất vườn khoảng 7,1 ha;
- Tính chất: Là điểm dân cư nông thôn được bảo tồn và phát triển không gian truyền thống vốn có.

5.2.7. *Thôn Đăk KĐem:*

- Quy mô dân số đến năm 2030 ước đạt khoảng 784 người, 137 hộ;
- Sử dụng đất ở năm 2030 khoảng 7,8 ha, đất vườn khoảng 11,7 ha;
- Tính chất: Là điểm dân cư nông thôn nơi cư ngụ của đồng bào Xê Đăng được bảo tồn và phát triển không gian truyền thống vốn có.

5.3. *Tổ chức các khu vực sản xuất (tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp...) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:*

5.3.1. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề - khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

Dự báo khả năng phát triển vùng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc ... cùng với chủ trương bảo tồn và phát triển nghề truyền thống của cư dân trên địa bàn xã, đề xuất tổ chức khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với tính chất là cụm công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường để đầu tư các loại hình công nghiệp sơ chế - chế biến nông sản, cơ khí sửa chữa - gia công phục vụ nông nghiệp, nông thôn và nghề thủ công truyền thống của đồng bào Xê Đăng, Tày, Mường,, Nùng, Thái... và người Kinh;

- Vị trí tại khu vực phía Bắc trung tâm xã

- Quy mô diện tích: khoảng 20,0ha

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc đề xuất như một điểm dân cư - làng nghề có khu sản xuất thủ công nghiệp tập trung và được bố trí đầy đủ thiết chế công trình công cộng như khu văn hóa, thể dục - thể thao, cây xanh - vườn hoa và các tiện ích khác; các cơ sở thương mại - dịch vụ. Loại hình kiến trúc ít tầng (nhà ở kết hợp sản xuất thủ công nghiệp)

5.3.2. Các khu vực sản xuất nông nghiệp:

a. Tổ chức khu trồng dược liệu tại thôn Đoàn Kết và thôn Đăk Lợi:

Quy mô diện tích: 30,0ha;

Tính chất: Là khu phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao;

b. Tổ chức Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Vị trí 1: Phía Bắc thôn Đăk Bình tại khu đất trồng lúa không hiệu quả;
Quy mô diện tích: khoảng 15,6ha

- Vị trí 2: Phía Tây trung tâm xã thuộc dự án liên xã Đăk Ngok - Thị trấn Đăk Hà; Quy mô diện tích: khoảng 35,6ha.

- Vị trí 3: Phía Đông thôn Đăk Tin, tại khu đất trồng lúa nước không hiệu quả; Quy mô khoảng: 22,1ha;

- Tính chất: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5.3.3. Tổ chức phát triển dịch vụ du lịch:

- Mục đích: Khai thác cảnh quan địa hình tại khu vực hồ chứa nước Đập Mùa Xuân, đáp ứng nhu cầu thị trường du lịch nghỉ ngơi - giải trí đang phát triển, du lịch cộng đồng;

- Vị trí: Phía Nam hồ Đăk Ui - phía Bắc thôn Đăk KĐem;

- Quy mô diện tích: khoảng 35ha;

- Tính chất: Là khu du lịch nghỉ ngơi, giải trí, kết hợp với du lịch trải nghiệm - cộng đồng.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất.

6.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

6.1.1. Cao độ nền xây dựng

- San nền dựa vào địa hình tự nhiên và định hướng phát triển không gian tổng thể toàn xã. Không chế cao độ nền cho các khu vực xây dựng tập trung như sau:

+ Khu vực thôn Đăk Bình, Đoàn Kết - trung tâm xã: 615,0 - 630 m;

+ Khu vực thôn Đoàn Kết (phía Bắc) từ 635 - 640 m;

+ Khu vực thôn Đăk Tin: Từ 600m - 610m;

+ Khu vực thôn Đăk Lợi: Từ 630 - 645 m;

+ Khu vực thôn Thanh Xuân: Từ 640 - 655m

+ Khu vực thôn Đăk Xuân: Từ 650 - 665m

+ Khu vực thôn Đăk KĐem: Tại trung tâm thôn Từ 645 - 665m; tại phía Tây Bắc từ 630 - 645m

+ Khu vực cụm công nghiệp - Làng nghề: 642 - 652m;

- Đối với các khu dân cư hiện trạng, đã tương đối ổn định, gần như không phải tổ chức san nền; cơ bản giữ nguyên cảnh quan địa hình tự nhiên;

- Đối với các khu vực xây dựng mới, các vị trí đều nằm ở khu đất xây dựng thuận lợi (độ dốc $\leq 10\%$), nếu lô đất có nhu cầu diện tích lớn: khu vui

chơi, thể dục - thể thao xã; trung tâm các thôn ... sẽ tổ chức san nền cục bộ theo từng khối công trình - hạng mục công trình, có thể giạt cấp nền bằng ta luy, bậc cấp

6.1.2. Lưu vực thoát nước:

Xã Đăk Ngok được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực phía Bắc suối Đăk Ui, bao gồm các thôn Đăk Bình, Đoàn Kết, Đăk Lợi, Thanh Xuân, Đăk Xuân, cụm công nghiệp - làng nghề và các khu vực sản xuất nông nghiệp phía Bắc xã; hướng thoát nước chính là hệ thống khe, Kênh Đăk Ui và các hồ thủy lợi khác.

- Lưu vực phía Nam suối Đăk Ui, bao gồm các thôn Đăk Tin, thôn Đăk KĐem và các khu vực sản xuất nông nghiệp phía Nam xã. Hướng thoát nước chính là hệ thống khe, suối, tụ thủy, hồ thủy lợi và Suối Đăk Ui.

6.1.3. Hệ thống thoát nước dọc đường: Thoát nước dọc đường được thiết chế phù hợp với các loại đường, đoạn đường, tuyến đường theo đặc điểm sử dụng đất hai bên đường:

a. Với các đường chính xã, đường chính thôn:

- Đoạn đi qua các khu vực dân cư, khu công trình công cộng, dịch vụ:

Sử dụng rãnh biên, tiết diện hình chữ nhật, cấu tạo điển hình, kích thước (30x30) cm đến (30x50) cm, có nắp đan và hố ga khu nước mưa.

- Đoạn khác: Sử dụng rãnh biên, tiết diện hình chữ nhật hoặc hình thang (như hiện trạng) có bề rộng đáy 30 cm, cao 30cm.

b. Với đường chính nội đồng: Sử dụng rãnh biên tiết diện hình thang hoặc tiết diện chữ V, đáy 30 cm, cao 30cm.

6.1.4. Đầu mối thoát nước: Nước mưa thoát tự nhiên vào hệ thống khe, suối, hồ thủy điện được phân bố dọc 2 bờ suối Đăk Ui và thu gom vào hệ thống rãnh biên dọc đường, sau đó thoát vào suối Đăk Ui.

6.2. Quy hoạch giao thông.

6.2.1. Đường đối ngoại:

Nâng cấp đường huyện ĐH42 theo yêu cầu quy hoạch giao thông nông thôn tỉnh Kon Tum, đạt tiêu chuẩn cấp III, cấp IV miền núi.

- Đoạn có kênh tưới Đăk Ui:

$$B = (2,0+3,0+2,0)+12,0+(2,25+7,0+2,25) +18,5 = 39,25m$$

- Đoạn không có kênh tưới Đăk Ui

$$B = 10,0+9,0+10,0 = 29,0m \text{ (Hành lang an toàn ĐB 20m)}$$

6.2.2. Đường nội bộ:

- Đường chính trung tâm xã:

$$B1 = 2,0+6,0+2,0+6,0+2,0 = 18,0 m$$

$$B2 = 2,0+6,0+2,0+10 = 20,0m \text{ (Hành lang an toàn ĐB10,0m)}$$

- Đường liên thôn.

$$B1 = 3,25+7,5+3,25 = 14 m$$

$$B2 = 3,0 + 5,5 + 3,0 = 11,5\text{m}$$

- Đường chính thôn

$$B = 5,0 + 7,0 + 5,0 = 17,0 \text{ m (Hành lang an toàn ĐB10,0m)}$$

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước thị trấn Đắk Hà;
- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới là mạng lưới cành cây (mạng lưới cụt); đường ống đặt trên dưới đường, độ sâu chôn ống $\geq 0,7\text{m}$. Đường ống bao trùm hết các đối tượng dùng nước.

6.4. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

6.4.1. Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp 110/22KV – 2x25 MVA Đắk Hà.

6.4.2. Lưới điện:

- Hệ thống điện động lực: Cải tạo, xây dựng đường dây 22 kv từ lưới điện đã có và hạ trạm dung lượng từ 75 – 560 KVA; đảm bảo mỗi thôn, mỗi hộ dùng điện tập trung có 01 trạm biến áp 3 pha 22/0,4 KV;

- Lưới điện 0,4 kV: Cải tạo lại mạng lưới 0,4 kV phù hợp theo quy định của ngành điện. Mạng lưới 0,4 kV xây dựng mới bố trí đi nổi. Lưới 0,4 kV tổ chức theo mạng hình tia, dùng cáp vặn xoắn ABC.

+ Đường trục: dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120);

+ Đường nhánh: dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70);

+ Các tuyến đường dây 0,4 KV trục chính không dài quá 500m;

- Lưới chiếu sáng: Chiếu sáng đoạn đường trục chính và bố trí tuyến chiếu sáng một bên đường, dùng đèn Natri cao áp 250W – 125W/220V hoặc dùng loại đèn hiện đại, tiết kiệm điện năng, các đường khác sử dụng các loại đèn tiết kiệm điện.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường, nghĩa trang

6.5.1. Thoát nước:

- Trước mắt là hệ thống thoát nước chung, kết cấu hệ thống thoát nước là loại rãnh biên - mương nắp đan của loại hình đường giao thông nông thôn theo cấu tạo điển hình, có tiết diện (30x30) cm, xây gạch đá hoặc bê tông, độ dốc đáy rãnh $i \geq 0,4\%$;

- Lâu dài là hệ thống thoát nước riêng, thoát nước thải dùng ống Upvc, D300, độ dốc đáy ống - $i \geq 0,4\%$;

6.5.2. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

a. Tiêu chuẩn và khối lượng chất thải rắn: Tuân thủ theo nhiệm vụ quy hoạch được duyệt

b. Khối lượng chất thải rắn:

- Đến năm 2025: 2437 kg/ngày;

- Đến năm 2030: 5057 kg/ngày.

6.5.3. Quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn (CTR):

a. *Bãi trung chuyển (bãi tập trung) chất thải rắn xã*: Xã Đăk Ngok cận kề với thị trấn Đăk Hà, vì vậy đề xuất không bố trí bãi trung chuyển (bãi tập trung) chất thải rắn của xã.

b. *Điểm tập trung CTR các thôn*: Điểm tập trung chất thải rắn các thôn được bố trí với bán kính phục tối đa 200 m. Dự kiến mỗi thôn có từ 1-2 điểm tập trung CTR.

6.5.4. *Định hướng quy hoạch nghĩa trang*: Hiện nay các thôn Đăk Lợi, Thanh Xuân, Đăk Xuân, Đăk Tin và Đăk Kđem đã có nghĩa trang. Tuy nhiên các Nghĩa trang này đều nằm sát khu dân cư không đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; Định hướng quy hoạch 04 nghĩa trang trên địa bàn xã như sau:

a. *Nghĩa trang trung tâm*: Là loại hình nghĩa trang công viên, dự kiến phục vụ cho khu vực các thôn trung tâm xã và lân cận

- Quy mô: Khoảng 3,0ha
- Vị trí: Phía Đông Bắc trung tâm xã

b. *Nghĩa trang của thôn Đăk Lợi - Thanh Xuân*:

- Quy mô: Khoảng 2,0ha
- Vị trí: Tại khu đất đồi núi chưa sử dụng phía Bắc thôn Thanh Xuân;

c. *Nghĩa trang của thôn Đăk Xuân*:

- Quy mô: Khoảng 2,0ha
- Vị trí: Tại khu đất đồi núi chưa sử dụng phía Tây Bắc thôn Đăk Xuân;

d. *Nghĩa trang của thôn Đăk Tin - Đăk Kđem*:

- Quy mô: Khoảng 1,88ha
- Vị trí: Tại khu vực trồng cây lâu năm phía Tây Nam thôn Đăk Kđem - phía Đông thôn Đăk Tin;

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

STT	Dự án, công trình	Nguồn vốn		
		NS	NDDG	Khác
1	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng cải tạo các thôn, khu chức năng	X		X
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH42	X		
3	Cải tạo, nâng cấp đường xã	X	X	X
4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng đường mới chính thôn	X	X	X
5	Xây dựng trung tâm các thôn	X	X	X
6	Xây dựng sân vận động, khu vui chơi giải trí xã	X	X	X
7	Xây dựng chợ xã	X		
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	X		X
9	Cải tạo nâng cấp hệ thống điện	X	X	X
10	Di dời nghĩa trang các thôn	X	X	X

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn tuân thủ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng

9.1. Tiến độ thực hiện:

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok được triển khai, thực hiện kể từ ngày đồ án được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành đến hết thời hiệu của đồ án quy hoạch.

9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân thụ hưởng.

- Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp cùng các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng kế hoạch động viên sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân xã Đăk Ngok:

- Tổ chức công bố công khai nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân biết thực hiện theo quy hoạch, chịu trách nhiệm về công

tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ quy hoạch của xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức lập quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Ngok đến năm 2030 trình cấp thẩm quyền (UBND huyện) phê duyệt theo quy định.

- Triển khai thực hiện việc cắm mốc quy hoạch sau khi đồ án được phê duyệt.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định hồ sơ bản vẽ, thuyết minh quy hoạch chung xã Đăk Ngok phù hợp với Quyết định này.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân xã Đăk Ngok thực hiện công tác quản lý quy hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Đăk Hà; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Ngok chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Sở Xây dựng (đ/b);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- HĐTĐ huyện (đ/b);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Tiến